

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:02/2018/DS-ST

Ngày: 28.12. 2017- 26/01 - 05.02/2018

V/v *Tranh chấp chia thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thúy Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Xuân Miến

2. Bà Đào Thị Thọ

*- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Trường – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hai Bà Trưng*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia
phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Nguyên – Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử công khai vụ án Dân sự thụ lý số 35/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “chia thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2017/QĐXXST - DS ngày 8/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số /2017/QĐST-DS ngày 28/12/2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2018/QĐST – DS ngày 26.01.2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A - Sinh năm 1957

HKTT và nơi ở hiện tại: phố Vĩnh Tuy, P. Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Có mặt

Bị đơn: Anh Hoàng B - Sinh năm 1984

HKTT: phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: HH2C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Chị Hoàng Thanh H** - Sinh năm 1988

HKTT: phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện tại: ngõ 52 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Có mặt

2. **Chị Nguyễn Thị C**, sinh năm 1985

3. **Cháu Hoàng L**, sinh ngày 13.08.2010

4. **Cháu Hoàng K**, sinh ngày 06.03.2016

Đại diện hợp pháp cho hai cháu L và K là bố mẹ đẻ: anh Hoàng B và chị Nguyễn Thị C.

Cùng HKTT: phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Cùng nơi ở hiện tại: P HH2C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội).

Đều vắng mặt

5. **Bà Hoàng N**, sinh năm 1952

HKTT và nơi ở hiện tại: Thôn Tử Dương, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Xin vắng mặt

6. **Ông Hoàng M**, sinh năm 1954

HKTT và nơi ở hiện tại: tổ 20 phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội).

Xin vắng mặt

7. **Bà Hoàng Thị V**, sinh năm 1959

HKTT và nơi ở hiện tại: số 352 C18 tổ 31 phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội).

Xin vắng mặt

8. Ông Hoàng X, sinh năm 1961

HKTT và nơi ở hiện tại: Thôn Tử Dương , xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Xin vắng mặt

9. Ông Hoàng T, sinh năm 1964

HKTT và nơi ở hiện tại: số 4 Ngách 159/8 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2016 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn: bà Nguyễn Thị A trình bày:**

Bà và chồng bà là ông Hoàng Hùng S đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 1984 tại Ủy ban nhân dân phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng cư trú tại địa chỉ phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Bà và ông Sơn sinh được hai người con là anh Hoàng B, sinh năm 1984 và chị Hoàng Thanh H, sinh năm 1988, ngoài ra ông bà không có con riêng và con nuôi nào khác.

Diện tích nhà đất tại địa chỉ phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội có nguồn gốc là do bố mẹ bà cho vợ chồng bà, năm 2004 vợ chồng bà đã được UBND quận Hai Bà Trưng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 10107334335 ngày 24/11/2004 đứng tên bà là Nguyễn Thị A và chồng là ông Hoàng Hùng S. Ngoài diện tích nhà đất trên, bà và ông Sơn không còn khối tài sản nào khác.

Năm 1998, chồng bà chết không để lại di chúc. Năm 2001, bố đẻ ông Sơn là cụ ông Hoàng Văn Đ chết. Năm 2011, mẹ đẻ ông S là cụ bà Trịnh Thị Nguyệt chết.

Năm 2009, anh Hoàng B lấy vợ là chị Nguyễn Thị C. Trước khi anh B tổ chức cưới, bà và anh B đã xây, sửa một phần diện tích sân lên thành một phòng nhỏ để vợ chồng anh B ở. Chi phí xây dựng hết 80.000.000 đồng, trong đó vợ chồng anh B bỏ ra 70. 000.000 đồng, bà A bỏ ra 10.00.000 đồng (số tiền này bà vay của Hội phụ nữ Phường) để góp vào. Sau này vợ chồng anh B đã trả nợ thay

cho bà. chị Hoàng Thanh H không liên quan không bỏ chi phí nào trong việc sửa và xây đổi với nhà đất này. Bà xác nhận chi phí xây sửa nhà đất trên với số tiền 80.000.000 đồng là của vợ chồng anh B.

Hiện nay, tại địa chỉ nhà đất phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội chỉ có một mình bà sinh sống. Vợ chồng anh B đi thuê ở tại ngõ 101 ngách 7 phố Thanh Nhân, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và sau này đã chuyển về HH2C Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội. Chị H cũng đã lập gia đình và ra ở riêng.

Trong quá trình ở, ngôi nhà bị đột nát, ngập úng khi trời mưa nên bà muốn sửa chữa lại nhưng anh B thách thức bà và họ hàng nội ngoại mặc dù bà có nói chuyện với anh B để cho bà sửa chữa lại nhà để không bị ảnh hưởng đến sức khỏe của cả nhà. Do anh B gây khó khăn cho bà nên bà đã nộp đơn khởi kiện chia thừa kế đối với anh B và bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế với nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo quy định của pháp luật. Bà xin được sử dụng và sở hữu toàn bộ diện tích nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và sẽ thanh toán cho anh B, chị H bằng giá trị tương đương với kỷ phần mà anh B và chị H được hưởng. Bà xin chịu trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng anh B số tiền 80.000.000 đồng mà vợ chồng anh B đã bỏ ra để sửa chữa nhà.

Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn anh Hoàng B:** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng B đã vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa, cũng như không có văn bản nào gửi đến Tòa thể hiện ý kiến hay nguyện vọng của anh về việc giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hoàng Thanh H trình bày: Chị là con đẻ của bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Hùng S. Bố mẹ chị sinh hai người con là anh Hoàng B và chị, ngoài ra bố mẹ chị không có con riêng hay con nuôi.

Về nguồn gốc và việc sửa chữa nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, chị H xác nhận đúng như lời trình bày của bà A.

Bố chị là ông Hoàng Hùng S chết năm 1998 không để lại di chúc, hiện chỉ có mẹ chị là bà A sinh sống tại địa chỉ trên. Hiện trạng ngôi nhà đã xuống cấp trầm trọng, bà A muốn sửa chữa lại để ở nhưng anh B đã gây khó khăn cho mẹ.

Nay mẹ chị khởi kiện chia thừa kế, chị tự nguyện để lại kỷ phần thừa kế mà chị được hưởng cho mẹ chị được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt, ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác.

2. Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T trình bày:

Bố mẹ của các ông bà là cụ ông Hoàng Văn Đ và cụ bà Trịnh Thị N. Sinh thời các cụ có 7 người con gồm Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T, ông Hoàng Hùng S và ông Hoàng Hùng D (chết năm 1987, ông D chưa có gia đình).

Các ông bà cùng xác nhận về nguồn gốc nhà đất ở phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội đúng như lời bà A trình bày.

Năm 1998 ông Hoàng Hùng S chết, cụ ông Hoàng Văn Đ chết năm 2001, cụ bà Trịnh Thị N chết năm 2011, hai cụ không để lại ý nguyện gì đối với nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Nay bà A khởi kiện chia thừa kế đối với nhà đất tại địa chỉ phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, các ông bà ủng hộ quan điểm của bà A cần phải rõ ràng để giải quyết dứt điểm, nếu không anh B sẽ ngày càng gây khó khăn cho bà A.

Năm 1998 ông Hoàng Hùng S chết không để lại di chúc, cụ ông Hoàng Văn Đ chết năm 2001, cụ bà Trịnh Thị N chết năm 2011, hai cụ không để lại ý nguyện gì đối với nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nhưng bà N, ông M, bà V, ông K và ông T đều hiểu rõ về hàng thừa kế của mình và có nguyện vọng để lại kỷ phần thừa kế mà các ông bà được hưởng cho bà A được toàn quyền sở hữu và sử dụng. Ngoài ra các ông bà không có yêu cầu nào khác.

Bà Nga, ông M, bà V, ông K và ông T có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử.

3. Chị Nguyễn Thị C: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C đã vắng mặt tại các buổi làm việc tại Toà, cũng không có văn bản nào gửi đến Toà thể hiện ý kiến hay nguyện vọng của chị về việc giải quyết vụ án dù đã được Toà án tổng đạt, thông báo hợp lệ.

Tại phiên toà:

* Bà Nguyễn Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật là giá trị tài sản là nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Bà xin được sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và sẽ thanh toán cho anh B bằng giá trị tương đương với kỷ phần mà anh B được hưởng.

Việc con gái bà là chị Hoàng Thanh H có nguyện vọng để lại kỷ phần mà chị H được hưởng cho bà được toàn quyền sử dụng và sở hữu, bà đồng ý nhận kỷ phần này. Bà A cũng đồng ý nhận kỷ phần thừa kế di sản của các ông bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T đã để lại cho bà A được toàn quyền sử dụng và sở hữu.

Khi ông Sơn mất, bà là người trực tiếp lo ma chay cho ông Sơn, không có ai phải bỏ ra chi phí nào để lo việc mai táng cho ông Sơn, số tiền cụ thể bao nhiêu bà không nhớ và bà không yêu cầu giải quyết đối với số tiền này vì bà muốn bà là người lo liệu cho ông S lúc ông S mất.

Đối với số tiền sửa chữa nhà đất trên, bà tự nguyện thanh toán cho vợ chồng anh B số tiền 80.000.000 đồng.

* Ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu của chị, chị có nguyện vọng để lại kỷ phần thừa kế tại nhà đất phố Vĩnh Tuy, ph-ường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Tr-ng, thành phố Hà Nội cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị D đ-ợc toàn quyền sở hữu và sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình xét xử vụ án.

Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong việc tổng đạt, giao nhận các văn bản của Tòa án, trong quá trình xét xử vụ án.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong suốt quá trình tòa thụ lý và tại phiên tòa Bị đơn anh Hoàng B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị C đã không chấp hành các Thông báo, Giấy báo gọi của Tòa án, không phối hợp tham gia giải quyết vụ án, cung cấp tài liệu chứng cứ dẫn đến vụ án kéo dài, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác .

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Chia bằng hiện vật cho bà A được quyền sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và có trách nhiệm thanh toán cho anh B giá trị tương đương với kỷ phần mà anh B được hưởng. Ghi nhận Bà A có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng anh B số tiền 80.000.000 đồng mà vợ chồng anh B đã bỏ ra để sửa chữa nhà. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T khước từ quyền hưởng di sản của ông Hoàng Hùng Sơn cho bà A. Bà A và anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật là phần di sản của chồng bà là ông Hoàng Hùng S là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: tổ 1 phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) do vậy, đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự..

1.2. Về thời hiệu khởi kiện:

Ông Hoàng Hùng S chết ngày 22.9.1998. Ông S không để lại di chúc, căn cứ Điều 633, Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định thời điểm mở thừa kế của ông Sơn 22.9.1998. Ngày 01.11.2016 bà Nguyễn Thị A nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Sơn. Căn cứ Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005 Hội đồng xét xử xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

1.3. Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Anh Hoàng B chị Nguyễn Thị C đều vắng mặt từ khi vụ án được Tòa án thụ lý, giải quyết và cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T có đơn đề nghị xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử những người trên là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án

2.1. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn:

Bà A xác định chồng bà là ông Hoàng Hùng S không để lại di chúc. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thanh H, Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T xác định ông Sơn không để lại di chúc. Vì vậy, xác định ông S chết không để lại di chúc . Bà A khởi kiện yêu cầu chia di sản của ông S theo pháp luật là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

2.2. Về hàng thừa kế:

Bà Nguyễn Thị A và ông Hoàng Hùng S có hai người con đẻ là anh Hoàng B và chị Hoàng Thanh H. Ngoài ra bà A, ông Sơn không có con riêng, con nuôi nào khác. Bố mẹ đẻ ông S là cụ Đ chết năm 2001 và cụ N chết năm 2011. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 677, điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định người thừa kế theo pháp luật của ông Sơn gồm bà Nguyễn Thị A, anh Hoàng B và chị Hoàng Thanh H thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Sơn và Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T thuộc hàng thừa kế thế vị của ông Sơn.

2.3. Về di sản thừa kế:

Quá trình chung sống Bà Nguyễn Thị A và ông Hoàng Hùng S có được một diện tích nhà đất tại địa chỉ phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội, được UBND quận Hai Bà Trưng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 10107334335 ngày 24/11/2004 đứng tên bà Nguyễn Thị A và chồng là ông Hoàng Hùng S. Nguồn gốc nhà đất này là do bố mẹ bà A cho vợ chồng ông bà. Ngoài diện tích nhà đất trên, ông S bà A không còn khối tài sản nào khác.

Vì vậy, xác định di sản của ông Hoàng Hùng S là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: tổ 1 phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội). Yêu cầu của bà A về việc chia thừa kế đối với diện tích đất trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

2.4 Về việc phân chia di sản thừa kế:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện tại địa chỉ nhà đất phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội chỉ có một mình bà Nguyễn Thị A sinh sống. Năm 2009, anh B lấy vợ là chị Nguyễn Thị C, bà A và anh B đã xây, sửa một phòng nhỏ để vợ chồng anh B ở và sinh hoạt. Chi phí xây dựng hết 80.000.000 đồng, trong đó vợ chồng anh B bỏ ra 70.000.000 đồng, bà A bỏ

ra 10. 000.000 đồng (số tiền này bà A vay của Hội phụ nữ) để góp vào. Sau này vợ chồng anh B đã trả thay cho bà và bà A xác nhận số tiền 80.000.000 đồng là của vợ chồng anh B đã bỏ ra.

Việc tranh chấp chia thừa kế cũng đã được UBND phường Vĩnh Tuy tổ chức hòa giải vào ngày 23.8.2016 và ngày 07.9.2016 tại Trụ sở UBND Phường nhưng anh Hoàng Bền vẫn mặt mặt dù bà A mong muốn hòa giải tại cơ sở nhưng anh B là con trai đã không nghe và không có bất cứ động thái nào đối với bà cũng như đối với cấp chính quyền địa phương. Khi Tòa án thụ lý , giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử, anh B và chị C cũng không có bất cứ ý kiến hay văn bản nào gửi cho Tòa án về việc giải quyết việc kiện chia thừa kế đối với bà A. Qua đây nhận thấy anh B, chị C không tôn trọng Tòa án, đã tự bỏ đi quyền tự bảo vệ hoặc quyền nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Vợ chồng anh Hoàng B đã nhận bàn giao căn hộ số x Tòa nhà HH2C – Dự án tổ hợp chung cư và Dịch vụ thương mại HH2, ô đất HH2, lô đất CC6, khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội vào ngày 15/10/2016 và cùng vợ với các con đang ở ổn định tại căn hộ này.

Vì vậy, bà A có nguyện vọng được hưởng di sản của ông Sơn bằng hiện vật là phù hợp với thực tế và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà A không yêu cầu giải quyết đối với các chi phí theo tập quán cho việc ma táng của ông Hoàng Hùng S do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Hoàng Thanh H, Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T đều có nguyện vọng để lại phần di sản thừa kế mà họ được hưởng cho bà Nguyễn Thị A được toàn quyền sở hữu và sử dụng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với kỹ phần thừa kế của anh B, bà A có nghĩa vụ thanh toán cho anh B giá trị tương ứng với phần di sản mà anh B được hưởng.

Bà A xin tự nguyện thanh toán cho vợ chồng anh B số tiền 80.000.000đồng sửa chữa nhà đất trên. Đây là sự tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá quận Hai Bà Trưng ngày 20/6/2017 thì Hội đồng định giá xác định:

Nhà đất tại Phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được xây dựng từ năm 1985 và có sửa chữa năm 2009. Toàn bộ nhà xây hết đất. Nhà xây 1 tầng tổng 110 kết hợp tổng 220 cao nhỏ hơn 3m, nhà bán mái lợp tôn, trần nhựa, nên nhà lát gạch men hoa, cửa ra vào làm bằng sắt và nhôm kính kết hợp. Nhà có khu vệ sinh, có hai phòng ngủ và 03 gian hiện gia đình đang kinh doanh tạp hóa. Số đo cụ thể:

+ Chiều dài mặt tiền:	6,81m
+ Chiều rộng hậu nhà:	7,01m
+ Chiều sâu nhà đo ở giữa:	9,64m
+ Tổng diện tích đất:	65,3m ²
+ Diện tích xây nhà:	65,3m ²

Phân áp giá cụ thể:

- Giá trị quyền sử dụng đất là: $65,3\text{m}^2 \times 70.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 4.571.000.000 \text{ đồng}$
- Giá trị nhà: $65,3\text{m}^2 \times 2,522,000 \text{ đồng/m}^2 \times 40\% = 65.874.000\text{đồng}$

Tổng giá trị nhà đất là: 4,636,874,000 đồng

(Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Xác định giá trị mà bà Nguyễn Thị A và ông Hoàng Hùng S mỗi người được hưởng là $\frac{1}{2}$ giá trị tại diện tích nhà đất tổ 1, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (nay là số nhà 69, phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) là $65,3\text{m}^2 : 2 = 32,65\text{m}^2$ có giá trị là: 2.318.437.000đồng.

Di sản thừa kế của ông Hoàng Hùng S được chia làm 5 kỹ phần thừa kế, trong đó 5 kỹ phần gồm có bà A; anh B; chị H; ông Đ; bà N (Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T được hưởng kỹ phần của cụ Diễm và cụ Nguyệt).

Như vậy, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng: $2.318.437.000\text{đồng} : 5 = 463.687.400 \text{ đồng}$.

- Bà Nguyễn Thị A, anh Hoàng B và chị Hoàng Thanh H mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tương đương 463.687.400 đồng.

- Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T được hưởng kỷ phần thừa kế tương đương 927.374.800 đồng mà do cụ Diễm và cụ Nguyệt được hưởng.

- Do chị H, bà Nga, ông M, bà V, ông K và ông T có nguyện vọng để lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà A nên tổng giá trị di sản thừa kế bà A được hưởng là: 1.854.749.600 đồng

- Bà Nguyễn Thị A phải thanh toán giá trị cho anh Hoàng B kỷ phần thừa kế di sản là: 463.687.400 đồng.

- Bà A tự nguyện thanh toán cho vợ chồng anh B số tiền 80.000.000 đồng sửa chữa nhà.

- Bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà A, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị kỷ phần được hưởng

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 674, 675, 676, 677 khoản 2 Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH10 ngày 27/02/2009 và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009)

1- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với anh Hoàng B về việc chia thừa kế theo pháp luật.

2- Xác định thời điểm và thời hiệu mở thừa kế: ông Hoàng Hùng S mất ngày 22/9/1998, thời điểm mở thừa kế của ông Sơn là ngày 22/9/1998.

3- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Hùng S gồm bà Nguyễn Thị A, anh Hoàng B, chị Hoàng Thanh H, ông Hoàng Văn Đ và cụ bà Trịnh Thị N. Những người được hưởng phần di sản mà cụ Đ và Cụ N được hưởng là Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T.

4- Xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Hùng S 1/2 diện tích đất tại tổ 1, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (nay là số phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) được UBND quận Hai Bà Trưng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 10107334335 ngày 24/11/2004 đứng tên bà Nguyễn Thị A và chồng là ông Hoàng Hùng S là $65,3m^2 : 2 = 32,65m^2$ có giá trị là: 2.318.437.000đồng (hai tỷ ba trăm mười tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn)đồng.

Di sản thừa kế của ông Hoàng Hùng S được chia làm 5 kỷ phần thừa kế, trong đó 5 kỷ phần gồm có Bà A; anh B; chị H; Bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T (các con của ông Điểm và bà Nguyệt): $2.318.437.000đồng : 5 = 463.687.400$ (bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm)đồng cụ thể: bà A, anh B, chị H mỗi người được hưởng giá trị di sản thừa kế là: 463.687.400 đồng. Các ông bà Nga, M, V, K và T được hưởng giá trị di sản của hai cụ Đ và cụ N là: 927.374.800 (chín trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm)đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thanh H và những người người được hưởng phần di sản mà cụ ông Hoàng Văn Đ và cụ bà Trịnh Thị N được hưởng là bà Hoàng N, ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T để phần di sản mà họ được hưởng cho bà A có tổng giá trị tài sản là: Tổng giá trị di sản thừa kế mà A được hưởng là: 1.854.749.600(một tỷ tám trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm)đồng.

Bà A được toàn quyền sử hữu và sử dụng toàn bộ diện tích 32,65m² và có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ thanh toán cho Anh Hoàng B giá trị di sản thừa kế anh B được hưởng là: 463.687.400(bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm)đồng.

5- Ghi nhận sự tự nguyện bà A thanh toán cho vợ chồng anh B số tiền 80.000.000(tám mươi triệu)đồng tiền sửa chữa nhà.

6 - Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia thừa kế là đồng 67.642.488(Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, bốn trăm tám mươi tám) đồng, đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 21.000.000đồng (Hai m- oi một triệu đồng) theo biên lai số 0002202 ngày 29/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Tr- ng. Bà Nguyễn Thị A còn phải nộp tiếp 46.642.488 (Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, bốn trăm tám mươi tám) đồng.

- Anh Hoàng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia thừa kế là 22,547,494 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm chín mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ng- ời đ- ọc thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì ng- ời phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà n- ớc qui định trên số tiền chậm thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thi hành theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Có mặt bà Nguyễn Thị A, chị Hoàng Thanh H. Các đ- ồng sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

Vắng mặt anh Hoàng B, chị Nguyễn Thị C, cháu Cháu Hoàng L, cháu Hoàng K(đại diện hợp pháp cho hai cháu L và K là anh Hoàng B và chị Nguyễn Thị C), bà Hoàng N, Ông Hoàng M, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng X, ông Hoàng T. Các đ-ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ-ợc tổng đạt Bản án hoặc kể từ ngày Bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thúy Hoa